TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 13-12-2022
V/v "Tranh chấp tài sản chung và nợ chung sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số số 33/2022/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn"; do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 87/2022/ HNGĐ-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ M, ấp Đ, xã O, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Chị Trần Thị Ph, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ M, ấp Đ, xã O, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Huỳnh Thị Bích Th, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp Đ, xã O, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Anh Lê Văn M, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp Đ, xã O, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn anh Nguyễn Văn U trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ph là vợ chồng sống chung và có đăng ký kết hôn năm 2011 nhưng đã ly hôn theo quyết định số 10/2022/QĐ-HGT-HNGĐ ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn vợ chồng anh không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản. Nay anh làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 1.339,5m^2, tại thửa đất số 550, tờ bản đồ 62, đất tọa lạc tại Tổ M, ấp Đ, xã O, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có 01 căn nhà xây tường chưa tô, 01 nhà vệ sinh, xây gạch, lợp tol, diện tích (02m x 03m); 01 bồn chứa nước bằng Inox 1.000 lít; 08 cây dừa 06 năm tuổi; 01 cây dừa 02 năm tuổi; 02 kết cấu khung sắt tiền chế, lợp tol, diện tích (03m x 08m); hàng rào B40. Đất do anh và chị Ph đứng tên chủ sử dụng đất, nguồn gốc thửa đất là do cha mẹ anh cho. Nay anh khởi kiện yêu cầu được sử dụng diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất. Anh đồng ý giao cho chị Ph sở hữu số tiền 50.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn Từ (đại diện bị đơn) trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của anh U là đúng không trình gì thêm. Nay anh U yêu cầu được sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất và đồng giao chị Ph sở hữu 50.000.000 đồng thì chị Ph đồng ý nhận số tiền 50.000.000 đồng và đồng ý giao đất và tài sản trên đất cho anh U sở hữu, sử dụng.

Chị Huỳnh Thị Bích Th trình bày: Ngày 30/11/2021 chị Ph có vay của chị số tiền 184.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ và giấy do chị Th đánh máy và chị Ph có đọc lại và ký tên, thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 30/11/2021 đến ngày 30/12/2021, lãi suất vay 1,5%/tháng. Khi vay chị Ph có giao cho chị 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến nay chị Ph chưa trả được tiền gốc và lãi cho chị, nay chị khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Ph, anh Nguyễn Văn U liên đới trả nợ cho chị số tiền 184.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1,5%, tính từ ngày 30/11/2021 đến ngày xét xử.

Anh Lê Văn M trình bày: Ngày 24/9/2021 chị Ph có vay của anh số tiền 150.000.000 đồng, khi vay có làm giấy, giấy do chị Ph viết và ký tên, thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 24/9/2021 đến ngày 24/10/2021, lãi suất cho vay là 1,5%/tháng, khi vay chị Ph không thế chấp tài sản gì. Nay anh khởi kiện chị Trần Thị Ph, anh Nguyễn Văn U liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1,5%, tính từ ngày 24/9/2021 đến ngày xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 27, 33, 37, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn U tranh chấp tài sản sau khi ly hôn đối với chị Trần Thị Ph.

- Giao anh Nguyễn Văn U được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 phần đất có tứ cận: Phía Đông giáp thửa số 551 (đất ông Minh); Phía Tây giáp thửa số 82 (đất bà Liên); Phía Nam giáp thửa số 100 (đất ông Hên); Phía Bắc giáp thửa số 65 (đường đi tự mở). Đất tại thửa đất số 550, tờ bản đồ số 62, diện tích 1.339,5m^2; đất tọa lạc tại Tổ M, ấp Đ, xã O, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đất do ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị Ph đứng tên người sử dụng đất trị giá 819.700.000 đồng. Trên đất có 01 căn nhà xây gạch chưa tô, lợp lot, nền đất, cửa sắt, chiều ngang 5,4m; chiều dài 19m. Tổng diện tích 102,6m^2, trị giá 182.268.900 đồng. Tổng trị giá 1.001.968.900 đồng; 01 nhà vệ sinh, xây gạch, lợp tol, diện tích (02m x 03m) trị giá 14.700.000 đồng; 01 bồn chứa nước bằng Inox 1.000 lít trị giá 1.750.000 đồng; 08 cây dừa 06 năm tuổi trị giá 4.800.000 đồng; 01 cây dừa 02 năm tuổi trị giá 250.000 đồng; 02 kết cấu khung sắt tiền chế, lợp tol, diện tích (03m x 08m) trị giá 7.824.000 đồng; hàng rào B40, (cao 1,8m, chiều dài 137m) trị giá 27.126.000 đồng. Tổng cộng 56.450.000 đồng.

- Buộc chị Trần Thị Ph, anh Nguyễn Văn U liên đới trả cho chị Huỳnh Thị Bích Th 184.000.000 đồng tiền vay và 18.036.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 202.036.000 (hai trăm lẻ hai triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

- Buộc chị Trần Thị Ph, anh Nguyễn Văn U liên đới trả cho anh Lê Văn M 150.000.000 đồng tiền vay và 26.250.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 176.250.000 (một trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Buộc anh Nguyễn Văn U có nghĩa vụ giao cho chị Trần Thị Ph sở hữu số tiền 187.104.870 (một trăm tám mươi bảy triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, tám trăm bảy mươi) đồng.

- Buộc chị Huỳnh Thị Bích Th có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Ph, anh Nguyễn Văn U 01 giấy CNQSD đất số GCN: CS08718, Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 20/5/2021 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị Ph (bản chính).

2. Anh U được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên giấy CNQSD đất theo luật định..

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Nội dung kháng cáo: Theo đơn kháng cáo đề ngày 23 tháng 9 năm 2022 của anh Nguyễn Văn U đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh: Sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản, giao cho chị Ph 50.000.000 đồng, không liên đới với chị Ph trả nợ cho chị Th, anh M.

Nội dung kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có kháng nghị số 27/QĐ-VKS-DS ngày 11-10-2022 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định lại quan hệ tranh chấp, cách tuyên án, nghĩa vụ thanh toán nợ chung, án phí.

Tại phiên tòa hôm nay, anh U vẫn yêu cầu xác định nợ riêng của chị Ph. Tuy nhiên anh đồng ý nhận trách nhiệm trả hết số nợ cho chị Th, anh M. Nhưng

xin chị Th, anh M giảm bớt số tiền nợ. Chị Ph thống nhất không yêu cầu phân chia tài sản, để cho anh U có điều kiện trả nợ.

Chị Th đồng ý bỏ hết tiền lãi suất và chỉ yêu cầu anh U trả lại số tiền gốc 180.000.000 đồng

Anh M đồng ý bỏ hết tiền lãi suất và chỉ yêu cầu anh U trả lại số tiền gốc 140.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Xét thấy tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được trách nhiệm trả nợ và được người có yêu cầu độc lập giảm bớt khoản tiền lãi và một phần tiền gốc. Xét thấy việc đi đế thống nhất trên là phù hợp với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân tỉnh Tây Ninh. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Việc xác định quan hệ tranh chấp, thấy rằng anh U có đơn tranh chấp chia tài sản chung với chị Ph. Đồng thời có chị Th, anh M có đơn yêu cầu độc lập về yêu cầu vợ chồng anh U, chị Ph trả khoản tiền vay. Nên cần xác định quan hệ tranh chấp đầy đủ là "Tranh chấp tài sản chung và tranh chấp nợ chung sau khi ly hôn"

Sau khi Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm ngày 13-9-2022 đến ngày 23-9-2022 anh Nguyễn Văn U có đơn kháng cáo; có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; Ngày 11-10-2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có kháng nghị số 27. Xét thấy việc kháng cáo, kháng nghị là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn U thấy rằng

Giấy vay tiền ngày 30-11-2021 được ký kết giữa chị Trần Thị Ph và chị Huỳnh Thị Bích Th vay 184.000.000 đồng (BL65)

Hợp đồng cho vay mượn tiền không có cầm cố tài sản ngày 24-9-2021 được ký kết giữa anh Lê Văn M và chị Trần Thị Ph số tiền vay 150.000.000 đồng.

Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 10/2022/QĐ-HGT-HNGĐ ngày 10-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa hôm nay chị Th cũng thừa nhận việc vay tiền của chị Ph, chị không thông báo cho anh U biết và chị Ph có nhờ chị Th giấu kín với anh U; anh M cũng thừa nhận việc vay tiền của chị Ph không có anh U cùng đi vay tiền, cũng không ký giấy nợ và việc giao nhận tiến chỉ có mặt chị Ph và anh. Tư đó có cơ sở xác định đây là khoản tiền nợ riêng của chị Ph, tuy nhiên anh U nhận lấy trách nhiệm trả nợ thay cho chị Ph, nên ghi nhận.

Anh U có nguyện vọng xin thêm khoản nợ gốc của chị Th, anh M nhưng không được chị Th, anh M đồng ý. Nên không được chấp nhận.

Do đó có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của anh U.

[3] Xét kháng nghị thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án chia tài sản chung của anh U chị Ph, anh M, chị Th có yêu cầu độc lập, yêu cầu anh U chị Ph có nghĩa vụ thanh toán nợ cho anh M, chị Th. Do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là "chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn"

Anh Lê Văn M, chị Huỳnh Thị Bích Th có đơn yêu cầu độc lập, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của anh M, chị Th nhưng phần quyết định không tuyên là thiếu sót của cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đối với nghĩa vụ trả tiền vay: Tài sản chung của anh U và chị Ph trị giá 1.001.968.900 đồng. Anh U chị Ph có nghĩa vụ trả cho anh M 176.250.000 đồng; chị Th 202.036.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ tài sản cho anh U quản lý, sử dụng. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thì anh U là người nhận toàn bộ tài sản, anh U có trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm buộc chị Ph và anh U có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ trên là không phù hợp.

Tại phiên tòa anh U đã đồng ý nhận toàn bộ tài sản và có nghĩa vụ trả nợ cho chị Th, anh M.

Án phí được tính lại như sau:

Án phí đối với nghĩa vụ trả nợ: Anh U phải chịu: 5% x (140.000.000 đồng+ 180.000.000 đồng) = 16.000.000 đồng

Giá trị tài sản anh U được chia: 1.001.968.900 đồng- 320.000.000 đồng = 681.968.900 đồng

Án phí anh U phải chịu: 20.000.000 + 4% x (681.968.900 đồng - 400.000.000 đồng) = 31.278.756 đồng

Từ đó có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh Nguyễn Văn U không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29; điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn U ;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh

- Căn cứ các Điều 27, 33, 37, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn U tranh chấp tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn đối với chị Trần Thị Ph.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lê Văn M, chị Huỳnh Thị Bích Th

- Giao anh Nguyễn Văn U được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 phần đất có tứ cận:

Phía Đông giáp thửa số 551 (đất ông Minh);

Phía Tây giáp thửa số 82 (đất bà Liên);

Phía Nam giáp thửa số 100 (đất ông Hên);

Phía Bắc giáp thửa số 65 (đường đi tự mở).

Đất tại thửa đất số 550, tờ bản đồ số 62, diện tích 1.339,5m^2; đất tọa lạc tại Tổ M, ấp Đ, xã O, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đất do ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị Ph đứng tên người sử dụng đất trị giá 819.700.000 đồng. Trên đất có 01 căn nhà xây gạch chưa tô, lợp lot, nền đất, cửa sắt, chiều ngang 5,4m; chiều dài 19m. Tổng diện tích 102,6m^2, trị giá 182.268.900 đồng. Tổng trị giá 1.001.968.900 đồng; 01 nhà vệ sinh, xây gạch, lợp tol, diện tích (02m x 03m) trị giá 14.700.000 đồng; 01 bồn chứa nước bằng Inox 1.000 lít trị giá 1.750.000 đồng; 08 cây dừa 06 năm tuổi trị giá 4.800.000 đồng; 01 cây dừa 02 năm tuổi trị giá 250.000 đồng; 02 kết cấu khung sắt tiền chế, lợp tol, diện tích (03m x 08m) trị giá 7.824.000 đồng; hàng rào B40, (cao 1,8m, chiều dài 137m) trị giá 27.126.000 đồng. Tổng cộng 56.450.000 đồng.

Ghi nhận chị Trần Thị Ph không yêu cầu chia tài sản chung.

- Buộc anh Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị Bích Th 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng

Buộc anh Nguyễn Văn U có trách nhiệm trả cho anh Lê Văn M 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành hết số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành, theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc chị Huỳnh Thị Bích Th có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn U 01 giấy CNQSD đất số GCN: CS08718, Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 20/5/2021 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị Ph (bản chính).

2. Anh Nguyễn Văn U được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên giấy CNQSD đất theo luật định.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn U phải chịu: 16.000.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ trả nợ; 31.278.756 đồng tài sản được chia. Tổng cộng anh Nguyễn Văn U phải chịu 47.278.756 đồng (Bốn mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi sáu đồng). Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng anh U đã nộp theo biên lai thu số 0007095 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Anh U còn phải tiếp tục nộp số tiền 43.528.756 (Bốn mươi ba triệu năm trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi sáu đồng) đồng tiền án phí sơ thẩm.

Chị Huỳnh Thị Bích Th, anh Lê Văn M không phải chịu tiền án phí.

Hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Bích Th tiền tạm ứng án phí 4.669.000 (bốn triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0007235 ngày 20/4/2022 Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho anh Lê Văn M tiền tạm ứng án phí 4.144.000 (bốn triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0007263 ngày 28/4/2022 Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn U không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho anh U số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số: 0007556 ngày 26-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND.TTN;
- TAND. H.TC;
- Chi cục THADS. H.TC
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Diệp